TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2023
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Thảo.

Ông Đỗ Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước - tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C ..

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2001 bà N và ông G qua thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Anh – sinh năm 2003 và Nguyễn Em – sinh năm 2003, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Trường G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G không tham gia và không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà N yêu cầu ly hôn.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Trần Kim N trình bày: Bà N yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Trường G. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

- Ông Nguyễn Trường G vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Trường G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông G vắng mặt không lý do; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Trường G.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2001 bà N và ông G tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của bà Trần Kim N: Vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; ông G không có ý kiến về việc xin ly hôn của bà N; bà N và ông G sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Kim N và ông Nguyễn Trường G không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Anh – sinh năm 2003 và Nguyễn Em – sinh năm 2003, các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Các đương sự không đặt ra yêu cầu, nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Trần Kim N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Kim N và ông Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Không đặt ra yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Trần Kim N phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009233 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, bà N đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn